

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5491/KH-UBND

Phú Thọ, ngày 31 tháng 12 năm 2015

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020; Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2016 - 2020;

Căn cứ kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của tỉnh Phú Thọ giai đoạn I (2011 - 2015), UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU.

1. Mục tiêu chung.

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ; đảm bảo thực hiện có hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020;

Tăng cường cải cách hành chính, quyết liệt cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính; xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, đủ trình độ và năng lực, đạo đức công vụ, bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tận tụy phục vụ nhân dân; triển khai có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo hướng hiện đại;

Nâng cao trách nhiệm, năng lực trong công tác chỉ đạo, điều hành của bộ máy nhà nước; công khai, minh bạch và đổi mới hình thức tuyển dụng công chức, bổ nhiệm cán bộ; thực hiện thu hút người có tài năng, chuyên gia trong các ngành, lĩnh vực vào làm việc tại các cơ quan nhà nước. Thực hiện tốt Đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NQ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ;

Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); thực hiện tốt Quy chế đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) 100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh được ban hành bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi tạo hành lang pháp lý cho phát triển

kinh tế, xã hội của địa phương;

b) 100% các thủ tục hành chính, thường xuyên được rà soát, sau khi được rà soát phải đảm bảo nguyên tắc: Đơn giản, rõ ràng, công khai, minh bạch;

c) Đến năm 2020, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có số lượng, cơ cấu hợp lý; có phẩm chất đạo đức, năng lực, trách nhiệm, có tính chuyên nghiệp cao để phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội;

d) 100% các giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước với doanh nghiệp, cá nhân được thực hiện trực tuyến qua Cổng thông tin điện tử hoặc qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

đ) Phần đầu đến năm 2020, cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3 cho 50% số dịch vụ công của tỉnh; cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 cho 40% số dịch vụ công của tỉnh;

e) 100% các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện và 60% đơn vị cấp xã sử dụng hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành có tích hợp chữ ký số để gửi nhận văn bản;

g) 100% các cơ quan có hệ thống mạng nội bộ đạt chuẩn, kết nối mạng diện rộng của tỉnh sử dụng mạng số liệu chuyên dùng và được quản trị tại Trung tâm tích hợp dữ liệu số của tỉnh;

h) Tỷ lệ cán bộ công chức cấp sở, ngành và UBND huyện được trang bị máy tính làm việc đạt 100%; cấp xã đạt 80%;

i) 90% các văn bản điện tử của tỉnh được chuyển nhận qua mạng song song với gửi nhận văn bản thông thường;

k) 100% cơ quan hành chính nhà nước có trang thông tin điện tử cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

l) 100% các cơ quan hành chính nhà nước ở cấp tỉnh, cấp huyện duy trì việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008;

m) Phần đầu có trên 50% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện và 20% Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường, thị trấn triển khai thực hiện mô hình một cửa hiện đại;

n) Mức độ hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính đạt trên 80% vào năm 2020;

o) Mức độ hài lòng của người dân đối với các dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp đạt trên 80% vào năm 2020.

II. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH.

1. Cải cách thể chế.

a) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu quả công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, cụ thể và khả thi; xây dựng và từng bước hệ thống hóa các thể chế, cơ chế, chính sách quản lý của tỉnh, triển khai quán triệt thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực, trong đó bảo đảm các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, góp phần ổn định và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

b) Rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật, các cơ chế chính sách tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và bình đẳng cho mọi tổ chức, doanh nghiệp, người dân phát triển sản xuất kinh doanh; triển khai, thực hiện quy trình liên thông giải quyết các thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.

c) Tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung, hoàn thiện chính sách của tỉnh về lĩnh vực đất đai, bảo đảm yêu cầu đầy đủ, minh bạch, đồng bộ, thuận lợi cho sự tham gia của các thành phần kinh tế, nhà đầu tư; triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 43/NQ-CP ngày 06/6/2014 của chính phủ về một số nhiệm vụ trọng tâm cải cách thủ tục hành chính trong hình thành và thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất để cải thiện môi trường kinh doanh; cắt giảm ít nhất 40% thời gian thực hiện gắn với tiết kiệm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính cho các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế.

d) Triển khai, thực hiện xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành, thị, để từ đó đánh giá, xếp hạng mức độ triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1294/QĐ-BNV ngày 03/12/2012 về việc phê duyệt đề án “Xác định chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương”;

đ) Kịp thời xây dựng và hoàn thiện các văn bản hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của HĐND và UBND các cấp theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Cải cách thủ tục hành chính.

a) Thực hiện tốt Kế hoạch số 4191/KH-UBND ngày 09/10/2015 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong công tác cải cách thủ tục hành chính.

b) Triển khai, thực hiện Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày 25/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương; đảm bảo đưa 100% thủ tục hành chính có liên quan đến người dân và doanh nghiệp được giải quyết thông qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

c) Tăng cường hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính, tập trung kiểm tra việc thực hiện công bố, công khai và giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm những cơ quan, đơn vị và cá nhân

chậm công bố, công khai thủ tục hành chính, tự đặt ra các quy định trái pháp luật, trái thẩm quyền, gây khó khăn, phiền hà cho doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức.

d) Quyết liệt cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính theo hướng thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính Phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; điều chỉnh hợp lý nhằm đơn giản, minh bạch và rút ngắn tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước; loại bỏ triệt để những khâu trung gian, giấy tờ không cần thiết hoặc trùng lặp trong hồ sơ thủ tục, đặc biệt là thủ tục hành chính liên quan đến người dân và doanh nghiệp; thực hiện nghiêm Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính.

đ) Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính để hỗ trợ việc nâng cao chất lượng các quy định hành chính và giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh tới cơ sở; thực hiện nghiêm túc việc niêm yết địa chỉ, số điện thoại, cơ quan tiếp nhận, xử lý, phản ánh kiến nghị về quy định hành chính để đảm bảo thực hiện quyền phản ánh, kiến nghị về thủ tục, hành chính và quy định hành chính của tổ chức, công dân; triển khai, áp dụng phần mềm tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về các quy định hành chính, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

e) Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đồng thời, thực hiện tốt việc công khai, minh bạch tất cả các thủ tục hành chính, quá trình giải quyết các thủ tục hành chính bằng nhiều hình thức thiết thực và thích hợp để cá nhân, tổ chức dễ hiểu, dễ thực hiện và giám sát.

f) Tập trung cải cách thủ tục hành chính trong nội bộ cơ quan hành chính, giữa các cơ quan hành chính với nhau; mở rộng thực hiện cơ chế một cửa liên thông đối với các lĩnh vực có liên quan tới nhiều cơ quan hành chính cùng giải quyết, như: Liên thông giữa các sở, ngành; giữa sở, ngành với UBND cấp huyện; giữa UBND cấp huyện với UBND cấp xã trong giải quyết thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực trọng tâm: Đầu tư; đất đai; xây dựng; sở hữu nhà ở; thuế; hải quan; xuất khẩu; nhập khẩu; y tế.

g) Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính; thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử cho công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

h) Triển khai, thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của cá nhân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước và một số dịch vụ công, để từ đó đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ công tại các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh (*định kỳ, hai năm tổ chức một lần*).

3. Cải cách tổ chức bộ máy.

a) Hoàn thiện các quy định của tỉnh về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Sắp xếp, kiện toàn và nâng cao năng lực điều hành của các cấp chính quyền, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị. Đồng thời, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và hướng dẫn thực hiện sau phân cấp để đảm bảo sự thống nhất, hiệu quả trong quá trình thực hiện;

b) Sắp xếp, kiện toàn lại các tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh theo hướng gọn nhẹ, bảo đảm tính đồng bộ, phù hợp các quy định của pháp luật và nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

c) Tiếp tục rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế hiện có của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện, đảm bảo sự sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức phải theo đúng vị trí việc làm.

d) Tiếp tục thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Quy chế làm việc của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành, thị; Quy chế phối hợp giữa các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với UBND cấp huyện theo quy định của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Tiếp tục cải cách và triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị sự nghiệp công lập, đảm bảo sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công cung cấp trong các lĩnh vực giáo dục, y tế đạt mức trên 80%.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

a) Triển khai thực hiện tốt Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức. Tiếp tục triển khai sâu rộng cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thi hành nhiệm vụ, công vụ của cơ quan, đơn vị theo Quyết định số 2959/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND tỉnh; thực hiện giám sát, kiểm tra, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm kỷ luật hành chính theo Quyết định số 3900/2009/QĐ-UBND ngày 18/11/2009 của UBND tỉnh; đồng thời, thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại cán bộ, công chức theo Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức. Kiên quyết đưa ra khỏi bộ máy hành chính những cán bộ, công chức, viên chức năng lực yếu, vi phạm đạo đức, không hoàn thành nhiệm vụ.

b) Đánh giá công tác phân cấp trong việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo trưởng, phó phòng thuộc các sở, ban, ngành; UBND huyện, thành thị; đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện nghiêm việc chuyển đổi vị trí một số chức danh công chức, viên chức theo đúng quy định tại Nghị định số 158/2007/NĐ-CP và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

c) Công khai, minh bạch và đổi mới hình thức tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển và đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức theo Khung năng lực của vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, viên chức đã được Bộ Nội vụ phê duyệt. Xây dựng chính sách thu hút người có tài năng, chuyên gia trong các ngành, lĩnh vực về làm việc trong các cơ quan nhà nước của tỉnh.

d) Thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ; và Kế hoạch số 4913/KH-UBND ngày 26/11/2015 của UBND tỉnh Phú Thọ về thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2015 - 2021.

đ) Thực hiện tốt Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016 - 2020; tiếp tục triển Đề án đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ cao tỉnh Phú Thọ đến năm 2020;

Đổi mới nội dung và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước và cán bộ, công chức xã theo yêu cầu vị trí công tác; trong đó chú trọng đến đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính, làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công chức, công vụ; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, tận tụy phục vụ nhân dân.

e) Tiếp tục rà soát đề sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo vị trí việc làm, quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết công việc của từng cán bộ, công chức nhằm giúp cán bộ, công chức giải quyết công việc nhanh, chủ động, từng bước chấm dứt tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

g) Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra chế độ công vụ, công chức và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công.

a) Đẩy mạnh cải cách tài chính công, đổi mới cơ chế hoạt động và quản lý tài chính công tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; từng bước mở rộng, đa dạng hóa các loại hình cung ứng dịch vụ; bảo đảm chi tiêu hiệu quả, tiết kiệm, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ đối với các đơn vị sự nghiệp có thu. Triển khai, thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020; định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2017 - 2020;

Đổi mới cơ chế tài chính cho các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, dịch vụ công theo hướng tiếp tục giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính cho các cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp; khuyến khích, tạo điều kiện, thiết lập môi trường hoạt động bình đẳng, cạnh tranh cho các cá nhân, tổ chức thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia

cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công theo ngành, lĩnh vực; danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước quản lý; quy định về đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung ứng dịch vụ sự nghiệp công;

c) Chuẩn hóa chất lượng dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế; rà soát, sửa đổi, bổ sung các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của bộ, ngành Trung ương.

d) Ban hành các chính sách khuyến khích xã hội hóa trong hoạt động cung ứng các dịch vụ công theo hình thức công - tư (PPP) đối với việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, dân số - kế hoạch hoá gia đình, khoa học và công nghệ, các công trình dự án cơ sở hạ tầng.

đ) Thực hiện tốt chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí hành chính theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập để phục vụ chủ trương xã hội hoá trong các ngành giáo dục, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao, khoa học và công nghệ, dân số - KHH gia đình; cắt giảm dần việc hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên nhằm giảm gánh nặng của chi ngân sách tỉnh.

e) Tăng cường sự giám sát của HĐND, MTTQ và đoàn thể các cấp trong việc huy động, quản lý và sử dụng ngân sách; công khai ngân sách theo quy định của Luật ngân sách cùng với đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các vi phạm. Tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

6. Hiện đại hóa nền hành chính.

a) Đầu tư hoàn thiện hệ thống trụ sở làm việc của cơ quan hành chính các cấp. Tăng cường cơ sở vật chất cho các cơ quan hành chính nhà nước, nhất là cấp xã.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, xử lý công việc của các cơ quan nhà nước; triển khai, thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 2390/KH-UBND ngày 22/6/2015 của UBND tỉnh về đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015-2020; cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan nhà nước trong tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi có yêu cầu giải quyết các thủ tục hành chính;

Ban hành Kế hoạch về xây dựng khung chính quyền điện tử tại tỉnh theo quy

định tại Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử; nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành hoạt động của cơ quan hành chính thông qua việc sử dụng hiệu quả mạng thông tin điện tử hành chính.

c) Xây dựng, triển khai có hiệu quả Kế hoạch Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020; đảm bảo 100% các đơn vị có mạng nội bộ cơ bản kết nối các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cho phép trao đổi, chia sẻ thông tin; hạ tầng viễn thông đã kết nối cáp quang tốc độ cao đến tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện và xã đảm bảo tốt việc truy cập Internet; mạng diện rộng của tỉnh dần hình thành trên cơ sở mạng số liệu chuyên dùng đã kết nối cáp quang, thiết bị đầu cuối đến 100% các cơ quan nhà nước.

d) Mở rộng việc xây dựng mô hình một cửa hiện đại tại UBND cấp huyện và UBND các phường, thị trấn; đồng thời, khuyến khích UBND các xã nơi có nhiều tổ chức, công dân đến giải quyết thủ tục hành chính thực hiện.

đ) Tiếp tục duy trì, áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; tiến hành mở rộng việc triển khai thực hiện xây dựng, áp dụng HTQLCL vào hoạt động của UBND cấp xã; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng được thực hiện đối với tất cả các thủ tục hành chính đã được Chủ tịch UBND tỉnh Quyết định công bố, theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.

III. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Công tác cải cách hành chính là công việc mang tính chất rộng lớn, không chỉ gói gọn ở một cấp, một ngành mà nó bao trùm toàn bộ hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, do đó phải đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy Đảng, đồng thời triển khai, thực hiện tốt Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 06/11/2015 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

2. Cấp ủy, chính quyền các cấp cần tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính; chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, kiên quyết xử lý nghiêm đối với số cán bộ, công chức có hành vi tiêu cực, sách nhiễu, làm giảm sút lòng tin của nhân dân; có chính sách thu hút, sử dụng người có tài năng, chuyên gia trong các ngành, lĩnh vực vào làm việc tại các cơ quan, để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh;

Bổ trí những công chức, viên chức có trình độ năng lực, có ý thức trách nhiệm, phẩm chất đạo đức tốt vào làm việc ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của các cơ quan, đơn vị.

3. Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp, thực hiện tốt cơ chế một cửa, tăng cường thực hiện

ơ chế một cửa liên thông, rút ngắn hơn nữa về thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, nhằm nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và mọi tầng lớp nhân dân. Thực hiện việc công khai, minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin về thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực.

5. Đảm bảo kinh phí hàng năm chi cho công tác cải cách hành chính và thực hiện nhân rộng mô hình một cửa hiện đại tại các cơ quan, đơn vị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.

1. Trách nhiệm của Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị.

a) Căn cứ Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và yêu cầu nhiệm vụ của ngành, địa phương để chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị, đồng thời chỉ đạo việc tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch đó.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ tổ chức sơ kết, báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của UBND tỉnh, Sở Nội vụ. Thời gian gửi báo cáo (*qua Sở Nội vụ để tổng hợp*): Báo cáo quý gửi trước ngày 10 tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 10/6 và báo cáo năm gửi trước ngày 25/11 hàng năm.

c) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và phân công thực hiện của Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh, xây dựng các đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tổ chức thực hiện đúng quy định, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

d) Lập dự toán ngân sách chi cho công tác cải cách hành chính trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị trình cấp thẩm quyền phê duyệt, theo hướng dẫn tại Thông tư số 172/2012/TT-BTC ngày 22/10/2012 của Bộ Tài chính quy định về việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo công tác cải cách hành chính nhà nước.

đ) UBND huyện, thành, thị có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức, thực hiện công tác cải cách hành chính của UBND xã, phường, thị trấn theo quy định.

2. Sở Nội vụ:

a) Là cơ quan thường trực, tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai, thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính của tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh; tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp thẩm quyền.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại:

- Điểm d, đ khoản 1; mục II của Kế hoạch;
- Điểm b, e, f, g, h, khoản 2; mục II của Kế hoạch;
- Khoản 3 “Cải cách tổ chức bộ máy”; mục II của Kế hoạch;
- Khoản 4 “Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”; mục II của Kế hoạch;
- Điểm d khoản 6; mục II của Kế hoạch;

c) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

3. Sở Tư pháp:

a) Chủ trì giúp UBND tỉnh theo dõi, tổng hợp, triển khai thực hiện nội dung cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; làm đầu mối tiếp nhận, giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết những phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính Phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại:

- Điểm a, khoản 1; mục II của Kế hoạch;
- Điểm a, c, d, đ khoản 2; mục II của Kế hoạch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại điểm c, khoản 1; mục II của Kế hoạch.

5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại điểm b, khoản 1 và điểm a, khoản 6, mục II của Kế hoạch.

6. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan liên quan thẩm định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt dự toán ngân sách, dự toán kinh phí thực hiện kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ cải cách hành chính.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 5 “Cải cách tài chính công”; mục II của Kế hoạch.

7. Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, triển khai, thực hiện các nhiệm vụ nêu tại điểm b, c khoản 6; mục II của Kế hoạch.

8. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì triển khai thực hiện nhiệm vụ nêu tại

điểm đ khoản 6; mục II của Kế hoạch.

9. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Phú Thọ: Tiếp tục duy trì có hiệu quả chuyên trang, chuyên mục về cải cách hành chính để tuyên truyền Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ, Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh giai đoạn 2011 - 2020; phát hiện, biểu dương gương tốt, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác cải cách hành chính; tiếp nhận, chuyển những phản ánh, ý kiến của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về quy định hành chính đến Sở Tư pháp để xử lý theo quy định. Hàng ngày, thực hiện, việc công khai địa chỉ cơ quan và số điện thoại tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính và giải quyết thủ tục hành chính.

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành, thị phản ánh kịp thời với UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để được xem xét, giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Châu